

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5783**/UBND-NC

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng 9 năm 2018

V/v điều chỉnh, bổ sung
số lượng lao động hợp đồng
theo Nghị định số 68 tại
Kế hoạch số 92/KH-UBND
ngày 21/6/2018 của Chủ tịch
UBND tỉnh

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 8919
	Ngày: 25.1.9.18
	Chuyển:

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh cắt giảm biên chế, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 – 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ Công văn số 1865/SNV ngày 18/9/2018; Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68 tại khoản 2 Mục IV Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

“2. Về hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:

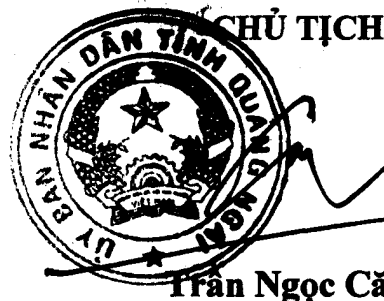
Tổng số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2018 là 500 người (*hành chính 193 người, sự nghiệp 307 người*). Trong 3 năm (2019 - 2021), tổng số lượng hợp đồng lao động khối nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi phải cắt giảm tối thiểu là 51 người; trong đó, khối hành chính 20 người, khối sự nghiệp 31 người. Như vậy, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giảm đạt tỷ lệ 10,20% số lượng hợp đồng năm 2018.

(Có Phụ lục kèm theo).”

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC, v1723.



PHỤ LỤC



**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**
(Kèm theo Công văn số 5783/UBND-NC ngày 21/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng Hợp đồng theo NĐ 68 đến năm 2018			Số lượng HĐ theo NĐ 68 giảm tối thiểu đến năm 2021 (10%)		Số lượng Hợp đồng theo NĐ 68 cần phải giảm giai đoạn 2019 - 2021					
							2019		2020		2021	
		Tổng	HC	SN	HC	SN	HC	SN	HC	SN	HC	SN
I	CẤP TỈNH	378	132	246	12	25	2	7	8	10	2	8
1	Sở Nội vụ	8	6	2	1	0			1			
2	Ngoại vụ	1	1	0	0	0						
3	Văn phòng HĐND tỉnh	5	5	0	1	0			1			
4	Văn phòng UBND tỉnh	15	15	0	2	0	1		1			
5	Sở Công Thương	12	12	0	1	0			1			
6	Sở Tài Nguyên và Môi trường	3	3	0	0	0						
7	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	0	0	0						
8	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu CN Quảng Ngãi	13	13	0	1	0					1	
9	Sở Lao động - TB&XH	14	5	9	1	1			1	1		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	0	0	0						
11	Thanh tra tỉnh	3	3	0	0	0						
12	Sở Tư pháp	4	2	2	0	0						
13	Sở Xây dựng	2	2	0	0	0						
14	Sở Văn hóa, Thể Thao và Du Lịch	12	2	10	0	1				1		
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	30	26	4	3	0	1		1		1	
16	Sở Tài chính	2	2	0	0	0						
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	4	1	0	0						
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	21	4	17	0	2				1		1
19	Sở Y tế	198	7	191	1	20		7	1	6		7
20	Sở Giao thông vận tải	11	11	0	1	0			1			

TT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng Hợp đồng theo NĐ 68 đến năm 2018			Số lượng HĐ theo NĐ 68 giảm tối thiểu đến năm 2021 (10%)		Số lượng Hợp đồng theo NĐ 68 cần phải giảm giá đoạn 2019 - 2021					
							2019		2020		2021	
		Tổng	HC	SN	HC	SN	HC	SN	HC	SN	HC	SN
21	Ban Dân tộc	3	3	0	0	0						
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1	0	1	0	0						
23	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	3	0	3	0	0						
24	Trường CE Y tế Đặng Thùy Trâm	2	0	2	0	0						
25	Trường CE Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	4	0	4	0	1				1		
II	CẤP HUYỆN	122	61	61	8	6	1	0	6	3	1	3
1	UBND Thành phố Quảng Ngãi	6	5	1	1	0			1			
2	UBND huyện Đức Phổ	5	5	0	1	0			1			
3	UBND huyện Minh Long	12	5	7	1	1			1	1		
4	UBND huyện Mộ Đức	2	2	0	0	0						
5	UBND huyện Nghĩa Hành	20	2	18	0	2				1		1
6	UBND huyện Bình Sơn	5	4	1	0	0						
7	UBND huyện Sơn Hà	16	4	12	0	2				1		1
8	UBND huyện Trà Bồng	10	5	5	1	0			1			
9	UBND huyện Tây Trà	7	3	4	0	0						
10	UBND huyện Tư Nghĩa	7	6	1	1	0			1			
11	UBND huyện Lý Sơn	14	6	8	1	1	1					1
12	UBND huyện Ba Tơ	9	5	4	1	0			1			
13	UBND huyện Sơn Tây	5	5	0	1	0					1	
14	UBND huyện Sơn Tịnh	4	4	0	0	0						
TỔNG CỘNG		500	193	307	20	31	3	7	14	13	3	11

(Phụ lục này thay thế Phụ lục số 3 kèm theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)